

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 58 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 07 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Dệt may PPJ-Huế tại Công văn số 01/2025/CV-PPJ-Hue ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 09/11/2025-PPJ-Hue ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy may PPJ-Huế và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 1036/TTr-KKTCN ngày 29 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dệt may PPJ-Huế, địa chỉ tại Khu công nghiệp Phú Đa, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy may PPJ-Huế với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may PPJ-Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Phú Đa, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế.

1.3. Quyết định chủ trương đầu tư số 24/QĐ-BQL ngày 30 tháng 5 năm 2016; Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh số 65/QĐ-BQL ngày 21 tháng 9 năm 2016; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 72/QĐ-KKTCN ngày 09 tháng 5 năm 2019.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301585083; đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 3 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 3 năm 2025.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 45.000 m².

- Quy mô, công suất: 9.800.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dệt may PPJ-Huế có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở NN&MT;
- UBND huyện Phú Vang;
- Công ty TNHH Dệt may PPJ-Huế;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất bên trong nhà xưởng của cơ sở (bụi, khí phát sinh từ hoạt động của hệ thống lò hơi; hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ phòng pha mực in), cụ thể:

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01;
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 02;
- Nguồn số 3: Hơi dung môi từ hệ thống xử lý hơi dung môi số 1;
- Nguồn số 4: Hơi dung môi từ hệ thống xử lý hơi dung môi số 2;
- Nguồn số 5: Hơi dung môi từ hệ thống xử lý hơi dung môi số 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Đối với 03 dòng khí thải sau xử lý tại 03 hệ thống xử lý hơi dung môi được đầu nối qua 01 đường ống và thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí. Do đó, Cơ sở có 03 dòng khí thải xả thải vào môi trường, cụ thể:

- 01 dòng thải từ ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01;
- 01 dòng thải từ ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02;
- 01 dòng thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi dung môi.

2.2. Vị trí, phương thức xả bụi, khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰) như sau:

STT	Vị trí xả thải	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
1	Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01	1.819.339,86	576.658,11
2	Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02	1.819.349,58	576.668,67
3	Ống thoát khí của các hệ thống xử lý hơi dung môi	1.819.179,93	576.753,20

- Phương thức xả bụi, khí thải: Cường bức, gián đoạn.

2.2. Lưu lượng xả khí thải

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.386 m³/giờ, trong đó:

- Lưu lượng cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01 là 8.000 m³/giờ;
- Lưu lượng cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02 là 9.180 m³/giờ;
- Lưu lượng cấp phép của các hệ thống xử lý hơi dung môi từ phòng pha mực in là 1.206 m³/giờ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi đảm bảo QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C của cột B; K_p=1,0 và K_v=1,0), trong đó:

Bảng giá trị giới hạn của bụi, khí thải

STT	Thông số	ĐVT	QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị C của cột B; K _p =1,0 và K _v =1,0)	Quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền
2	CO	mg/Nm ³	1000	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	

- Hơi dung môi từ hệ thống xử lý hơi dung môi của phòng pha mực in đảm bảo QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, trong đó:

Bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20: 2009/BTNMT	Quan trắc định kỳ
1	Etylaxetat	mg/Nm ³	1400	Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền
2	Etylacrilat	mg/Nm ³	100	
3	Toluen	mg/Nm ³	750	
4	Metylacrylat	mg/Nm ³	35	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ hệ thống lò hơi

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu tại buồng đốt của hệ thống lò hơi được thu gom bằng đường ống có đường kính D500mm, chiều dài 06m để dẫn đến hệ thống xử lý khí thải (được lắp đặt hợp khối với lò hơi). Hệ thống xử lý khí thải gồm 02 công đoạn: (i) Xử lý lọc bụi khô bằng thiết bị cyclon lọc bụi và (ii) xử lý ướt (gồm tháp hấp thụ và bể đập bụi). Khí thải sau xử lý xả thải vào môi trường qua ống khói cao 16m, đường kính D500mm.

1.2. Mạng lưới thu gom khí thải từ hệ thống xử lý hơi dung môi

Hơi dung môi phát sinh từ phòng pha mực in được thu gom vào quạt hút âm trần (3 quạt hút) thông qua chụp hút; dòng khí chứa hơi dung môi được dẫn qua lớp than hoạt tính đặt trong đường ống dẫn khí bằng inox. Sau khi xử lý bằng than hoạt tính, dòng khí thải (hơi dung môi) được thu gom, nhập vào 01 đường ống dài 5m và thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.3.1. Hệ thống lò hơi

Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo đường ống được dẫn qua thiết bị cyclon để tách bụi có kích thước lớn nhờ lực ly tâm và trọng lực. Bụi được lắng ở đáy cyclon. Sau đó, dòng khí thải được quạt hút ly tâm vận chuyển không khí từ cyclon qua thiết bị lọc ướt (gồm tháp hấp thụ và bể đập bụi), dòng không khí lần lượt đi qua tháp hấp thụ và bể đập bụi. Tháp hấp thụ và bể đập bụi được thiết kế nhằm hấp thụ các loại khí thải sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như: SO_x , NO_x , ... bằng dung dịch hấp thụ Ca(OH)_2 . Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C của cột B; $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$).

Thông số kỹ thuật: Hệ thống lò hơi số 01 gồm 01 cyclon khử bụi vật liệu thép không gỉ, đường kính thân D1000mm; bể hấp thụ có kích thước 3,0m x 2,2m x 1,4m. Hệ thống lò hơi số 02 gồm 01 cyclon khử bụi đơn vật liệu thép không gỉ, đường kính thân D1000mm, bể hấp thụ có kích thước 2,85m x 0,8m x 1,1m.

Hệ thống lò hơi của cơ sở có sử dụng hóa chất là Ca(OH)_2 .

1.3.2. Hệ thống xử lý hơi dung môi

Khí thải hơi dung môi được thu gom vào thiết bị chụp hút, nhờ lực hút của quạt hút ly tâm (3 quạt hút) các dòng khí thải (hơi dung môi) được thu gom dẫn qua lớp than hoạt tính đặt trong đường ống dẫn khí; sau đó các dòng khí được thu gom, đầu nối và thải ra môi trường qua 01 ống thải dài 5m. Khí thải sau xử

lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Công suất hệ thống: Chủ cơ sở đã lắp đặt 03 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi với tổng công suất 1.206 m³/giờ (công suất 402 m³/giờ/01 hệ thống xử lý khí thải).

Hệ thống xử lý dung môi không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, ...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý hơi dung môi, lò hơi, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm khoảng 06 tháng kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

- Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND huyện Phú Vang) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 02 hệ thống xử lý khí thải của 02 hệ thống lò hơi và 03 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi của phòng pha mực in.

- Vị trí lấy mẫu: Tại điểm xả ra môi trường không khí xung quanh của dòng khí thải sau khi được xử lý tại 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi và 03 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi (theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.3. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Đối với hệ thống lò hơi: Lưu lượng, bụi tổng, SO_2 , NO_x , CO.
- Đối với hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi: Lưu lượng, etylaxetat, etylacrilat, metylacrylat, phenol, toluen.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

1. Các nguồn phát sinh nước thải, trong đó:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV;
- Nguồn số 02: Từ khu vực nhà ăn;
- Nguồn số 03: Từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng;
- Nguồn số 04: Từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi;
- Nguồn số 05: Từ hoạt động vệ sinh khung in.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra mương thoát nước tự nhiên phía sau Nhà máy. Nước thải theo mương thoát nước chảy về sông Đại Giang tại vị trí gần cầu Phú Thứ cách cơ sở khoảng 02 km về phía Tây.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải tại mương thoát nước tự nhiên phía sau Nhà máy thuộc thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): X(m): 1.819.198,02; Y(m): 576.810,46

- Vị trí xả thải không đổ vào công trình thủy lợi tại khu vực theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 394/SNNPTNT-TL ngày 25/02/2025.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Giá trị C của cột A; $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$).

Bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C của Cột A; Kq=0,9 và Kf=1,1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Nhiệt độ	°C	40	Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền
2	Màu	Pt/Co	50	
3	pH	-	6-9	
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,70	
5	COD	mg/l	74,25	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,50	
7	Asen	mg/l	0,05	
8	Thủy ngân	mg/l	0,00	
9	Chì	mg/l	0,10	
10	Cadimi	mg/l	0,05	
11	Crom(VI)	mg/l	0,05	
12	Crom(III)	mg/l	0,20	
13	Đồng	mg/l	1,98	
14	Kẽm	mg/l	2,97	
15	Niken	mg/l	0,20	
16	Mangan	mg/l	0,50	
17	Sắt	mg/l	0,99	
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	
19	Tổng phenol	mg/l	0,10	
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	
21	Sunfua	mg/l	0,20	
22	Florua	mg/l	4,95	
23	Clorua	mg/l	495,00	
24	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	4,95	
25	Tổng Nitơ	mg/l	19,80	
26	Tổng Phospho	mg/l	3,96	
27	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Khu vực nhà xưởng may: Nước thải từ bể xí, bể tiểu được thu gom bằng đường ống uPVC đến dẫn bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng và nước thải từ hoạt động rửa tay chân được thu gom bởi đường ống uPVC D114mm. Sau đó, cùng với nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn nhập vào đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D250mm đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Khu vực nhà ăn công nhân:

+ Nước thải từ bể xí, bể tiểu được thu gom bằng đường ống PVC D114mm dẫn đến bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng và nước thải từ hoạt động rửa tay chân được thu gom bởi đường ống uPVC D114mm. Sau đó, cùng với nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn nhập vào đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D dài 20 m đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom bằng mương BTCT, đến đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D250mm đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Khu vực lò hơi: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom bằng đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D250mm đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Khu vực nhà xưởng in:

+ Nước thải từ bể xí, bể tiểu được thu gom bằng đường ống PVC D114mm đến bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng và nước thải từ hoạt động rửa tay chân được thu gom bởi đường ống uPVC D114mm m. Sau đó, cùng với nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn nhập vào đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D250mm đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

+ Nước thải từ hoạt động rửa cọ, khung in và vệ sinh thùng pha chế mực in được thu gom đường ống PVC D200mm, đường ống PVC D250mm đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

Chủ cơ sở phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở; đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Tuyệt đối không có

bất kỳ điểm xả, điểm đầu nổi nước thải khác so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 300 m³/ngày.đêm. Toàn bộ lượng nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn vào bể thu gom (T1), bể tách dầu mỡ (T2), sau đó nước thải được dẫn vào vào bể điều hòa để điều hoà nồng độ và lưu lượng nước thải. Nước từ bể điều hòa được bơm sang bể keo tụ (T04-A), bể tạo bông (T04-B), bể lắng hóa lý (T04-C); tiếp theo nước thải được dẫn về bể anoxic (T05); nước thải tiếp tục dẫn vào bể lắng sinh học hiếu khí (T06), bể lắng sinh học (T07), sau đó được bơm lên bể trung gian, bồn lọc áp lực rồi tiếp tục dẫn về bể khử trùng (T09). Bùn thải được đưa về bể chứa bùn (T10). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$) xả ra mương thoát nước tự nhiên phía sau Nhà máy, sau đó đổ vào sông Đại Giang đoạn chảy qua thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, theo hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như hỏng hóc máy móc, nước thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý nước thải, nước thải chưa xử lý sẽ được lưu giữ tại bể gom và bể điều hoà sau đó sẽ được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường;
- Tạm thời dừng các hoạt động sản xuất khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm khoảng 6 tháng kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND huyện Phú Vang) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất công suất 300 m³/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm bảo đảm theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$). Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Bảng tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với hoạt động vệ sinh khung in tại xưởng in, yêu cầu chủ cơ sở hạn chế tối đa việc sử dụng nước sạch để cọ rửa, làm sạch khung in. Sử dụng giẻ lau, giấy để vệ sinh khô các khung in, hạn chế tối đa việc phát sinh nước thải trong công đoạn này nhằm phòng ngừa hiện tượng sốc tải, quá tải trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân sự chuyên trách vận hành, theo dõi và giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp phát hiện nước thải đầu vào hoặc đầu ra có hiện tượng bất thường, phải kiểm tra rà soát và có biện pháp khắc phục kịp thời; tuyệt đối không xả nước thải vượt quy định cấp phép ra môi trường xung quanh.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động vận hành sản xuất (dây chuyền máy móc, thiết bị, ...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà xưởng của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc, thiết bị. Vận hành máy theo đúng quy trình của hãng sản xuất.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Gia cố móng vững chắc tại nơi đặt các máy móc thiết bị có độ rung cao.
- Bố trí các máy móc thiết bị sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc để giảm tác động cộng hưởng của tiếng ồn.
- Lắp đặt các thiết bị, kết cấu giảm ồn và rung như đệm đàn hồi cao su và lò xo chống rung, ... cho các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung cao đồng thời định kỳ kiểm tra, thay thế các thiết bị này.
- Các máy phát điện được lắp đặt trong phòng kín, cách âm riêng biệt, giá đỡ máy có lắp đặt roăng cao su chống rung.
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị. Trong quá trình hoạt động, khi có sự đầu tư thay đổi máy móc, các máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn sẽ ưu tiên thay thế dần các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn nhỏ hơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	69
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	9.000
3	Bóng đèn hỏng và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	318
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	7
5	Mực in thải	Rắn	08 02 01	11.028
6	Pin thải, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	3
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	61
8	Chất thải lây nhiễm	Rắn	13 01 01	2
9	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Bùn	04 02 03	35
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	20
Tổng cộng				11.523

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn	Rắn	12 09 09	76.508
2	Bao bì thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 11	13.573
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	5.301
4	Tro đáy và bụi lò hơi (tro lò hơi, bụi từ thiết bị cyclone xử lý khí thải lò hơi)	Rắn	04 02 06	13.292
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	10 02 09	22.250
Tổng cộng:				130.924

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 32,7 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Đối với chất thải nguy hại trạng thái lỏng: Thu gom và lưu chứa trong các thùng phuy (số lượng 01 thùng), có nắp đậy kín để tránh chảy tràn.

Đối với chất thải nguy hại trạng thái rắn, bùn được thu gom và lưu chứa trong bao bì cứng, đậy kín và lưu chứa trong thùng vật liệu HDPE loại 120 lít (số lượng 09 thùng).

Bao bì, thiết bị lưu chứa các loại chất thải nguy hại của cơ sở phải có mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo theo quy định. Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho lưu giữ CTNH có diện tích 23,0m² cạnh kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ cơ sở phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

Tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh và khuôn viên cơ sở: bố trí khoảng 21 thùng rác, vật liệu nhựa HDPE (loại dung tích 120 lít/thùng).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được công nhân vệ sinh vận chuyển đến khu vực tập kết rác thải sinh hoạt cạnh hệ thống xử lý nước thải.

Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và xử lý, không thải ra môi trường.

- Đối với vải vụn, bao bì thải và giấy, bao bì giấy các tông thải bỏ: Cơ sở đã trang bị 40 thùng loại 30 lít/thùng tại phân xưởng sản xuất. CTR được thu gom và tập kết tại kho chứa diện tích 68,8 m² đặt cạnh nhà lò hơi.

- Đối với tro từ lò hơi, bụi từ thiết bị cyclone xử lý khí thải lò hơi được đóng bao tập kết tại nhà lò hơi.

- Đối với bùn từ HTXLNT: Cơ sở thu gom bùn từ HTXLNT, đưa đến máy ép bùn để ép thành bánh bùn, đóng bao và hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyển giao.

Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Chủ cơ sở phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Huế tổ chức tập huấn cho công nhân lao động về kiến thức và thực hành về công tác phòng, chống cháy nổ tại chỗ cho cơ sở hàng năm.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;

- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý hơi dung môi, lò hơi, đường ống dẫn khí theo định kỳ;

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu,...;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

3. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hồ sự cố theo quy định, trường hợp hệ thống gặp sự cố sẽ tiến hành chứa trong hồ này. Sau khi khắc phục xong hệ thống, sẽ tiến hành bơm nước vào hệ thống để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Xử lý sự cố HTXLNT bao gồm các hoạt động: Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu vào, qua các quá trình xử lý và đầu ra; lưu chứa nước thải chưa đạt quy chuẩn xả thải; sửa chữa công trình, bảo trì thay thế thiết bị và xử lý lại lượng nước thải lưu giữ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng (tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi, ...). Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Tuyệt đối không được xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, không xả nước thải ra môi trường bên trong và môi trường bên ngoài cơ sở mà không xử lý.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với các hoạt động về xây dựng, an toàn, PCCC, ... trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành Nhà máy.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải tuân thủ xử lý khí thải từ hệ thống lò hơi, hệ thống xử lý hơi dung môi đảm bảo đạt quy định trước khi xả ra môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (cửa) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc khi có yêu cầu và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Nội dung thẩm định, cấp phép môi trường không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của chủ cơ sở liên quan đến mọi hoạt động trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành Nhà máy theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khác. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật./.